

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ A
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2017/HSST

Ngày: 11/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà : Lưu Thị Thôi

2/ Bà: Nguyễn Thị Minh Huân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Minh Khuê – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố A tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Lai

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố A.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 127/2017/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Võ Ngọc D, Sinh năm 1983 tại B; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu phố 2, phường Phú Trinh, TP. A; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Võ Ngọc L, sinh năm 1959, Nghề nghiệp: Công chức; Mẹ: bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1959, Nghề nghiệp: Hưu trí; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Thủ Đức. “Có mặt”

- Nhân thân: Ngày 11/4/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố A xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tại Bản án số 33/2017/HSST). Hiện đang chấp hành hình phạt tại Trại giam Thủ Đức.

***Người bị hại:**

- Bà Võ Thị Ái V, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 129F/138/142 A, Bến V Đồn, phường 4, Quận 4, Tp. H.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Hồ Chí Đ, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố 01, thị trấn L, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 5 năm 2016, Võ Ngọc D (sinh năm 1983, trú tại khu phố 2, phường Phú Trinh, TP. A) thông qua anh Trương Văn Đ (sinh năm 1975, trú tại khu phố 3, phường Đức Thắng, TP. A) nên quen biết với chị Võ Thị Ái V (sinh năm 1982, trú tại 129F/138/142A - Bến V Đồn, phường 4, Quận 4, TP. H). Qua gặp gỡ, trao đổi, D được chị V cho biết chị V đang kinh doanh mạng tiền ảo Bitcoin (tiền điện tử) với lãi suất cao. Dù không tin việc kinh doanh của chị V nhưng D vẫn hứa sẽ đầu tư 60.000.000đ cho chị V và hẹn chị V ra A nhận tiền nhằm tán tỉnh chị V. Tin tưởng D, khoảng 19 giờ ngày 05/10/2016, chị V cùng bạn là Phạm Thị Mỹ H (sinh năm 1989, trú tại 423/14/41-Xô V Ng T, phường 25, quận B, TP. H) từ TP. H ra đến TP. A thì được D mời đi ăn nhậu. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, D gọi điện cho bạn là Hồ Văn H (sinh năm 1993, trú tại thôn Quán Thẻ 3, xã P, huyện T, tỉnh N) đến cùng nhậu. Trong lúc ngồi nhậu, D và V trao đổi về việc đầu tư tiền điện tử. Đồng thời V và Hiệp cũng cho nhau số điện thoại. Sau khi nhậu xong, D đã thế chiếc điện thoại Iphone 4 của mình để trả tiền quán.

Sáng ngày 06/10/2016, D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus của chị V nên vào khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, D điện thoại nói chị V đến quán cà phê Thiên Thanh trên đường Cao Hành (thuộc khu phố 2, phường P, TP. A) để D giao tiền như đã hẹn trước đó. Trước khi vào quán, D tắt nguồn điện thoại của mình nhằm mục đích nói dối điện thoại của mình hết pin để mượn điện của V sử dụng và tìm cơ hội chiếm đoạt rồi đi bộ vào uống cà phê cùng V, H. Trong lúc uống cà phê D nói do điện thoại của D hết pin nên mượn điện thoại di động của V để gọi, V đưa điện thoại của mình cho D gọi cho H trao đổi công việc và nói cho H biết điện thoại của D hết pin nên khi nào gọi lại thì gọi vào số máy của V để gặp D. Khoảng 10 phút sau thì Hồ Văn H gọi vào số điện thoại của V xin gặp D vì gọi điện thoại cho D không được, chị V đưa chiếc điện thoại Iphone 6s plus của mình cho D. D cầm chiếc điện thoại của chị V bước ra khỏi bàn để giả vờ nói chuyện, sau đó D đi ra trước quán thì thấy H đang ngồi trên xe mô tô nên lên xe bảo H chở đến quán cà phê Mộc trên đường L. Tại đây, D nhờ H tìm người để cầm thế chiếc điện thoại Iphone 6s plus. H đồng ý, gọi điện cho bạn là Hồ Chí Đ (sinh năm 1987, trú tại khu phố 1, thị trấn Ma, huyện S) nói đến quán cà phê Mộc. Sau khi Đ đến, D đưa chiếc điện thoại Iphone 6s plus cho Đ xem và nói đây là điện thoại của bạn nhờ cầm thế, sáng mai sẽ chuộc lại. Đ tin tưởng, đồng ý nhận cầm thế với giá 2.500.000 đồng. Số tiền có được từ việc cầm thế chiếc điện thoại Iphone 6s plus của chị V, D dùng trả nợ cho H 1.000.000đ, số tiền còn lại D tiêu xài cá nhân.

Sau khi bị Võ Ngọc D chiếm đoạt tài sản, chị Võ Thị Ái V nhiều lần gọi điện liên lạc thì D hẹn gặp ở nhiều nơi nhưng D không đến. Sáng ngày 07/10/2016, khi D điện hẹn chị V đến khách sạn Thanh T (thuộc khu phố 1, phường X, TP. A) để chuộc điện thoại thì chị V đến Công an TP. A trình báo sự việc. Lúc 10 giờ cùng ngày, Cơ quan CSĐT - Công an TP. A đã phối hợp với Công an phường X kiểm tra khách sạn Thanh T, phát hiện D đang ở phòng 202 nên mời về trụ sở làm việc. Tại cơ quan công an, Võ Ngọc D thừa nhận hành vi của mình như trên và khai Hồ Văn H chính là người đã cùng

D thống nhất, thực hiện việc chiếm đoạt điện thoại của chị V như trên. Tuy nhiên, qua đối chất, Hồ Văn H không thừa nhận hành vi của mình như D khai, H không biết việc D chiếm đoạt điện thoại của chị V.

Cơ quan CSĐT - Công an TP. A đã tạm giữ của Võ Ngọc D 01 điện thoại di động hiệu UMY, số Imel: 815000080354769 và 01 thẻ sim có số thuê bao: 0907424281; tạm giữ của Hồ Chí Đạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus, có số Imel: 354388064624456.

Tại Kết luận định giá tài sản số 125 ngày 21/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. A kết luận:

01 điện thoại di động Iphone 6s Plus - Tình trạng: Máy đã qua sử dụng, đang hoạt động bình thường - Tỷ lệ sử dụng còn lại: 70% - Giá trị là: 11.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 131/CT - VKS ngày 31 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố A, tỉnh B đã truy tố bị cáo Võ Ngọc D phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 01 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố A đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng quy định khoản 01 Điều 139, điểm p khoản 01 điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án tù 12 tháng tù đến 18 tháng tù và áp dụng Điều 50, Điều 51 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt bản án số 33/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố A buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho 2 bản án.

Bị cáo xác định cáo trạng truy tố không oan sai và đã khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để cải tạo trở thành người lương thiện giúp ích cho xã hội và sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố A, tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng theo quy định pháp luật.

- Về đánh giá chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở để kết luận:

Do muốn chiếm đoạt điện thoại của chị Võ Thị Ái V nên khoảng 16 giờ 30 phút ngày 06/10/2016, trong lúc ngồi uống cà phê, Võ Ngọc D dùng thủ đoạn gian dối để chị V tin tưởng đưa chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus trị giá 11.000.000 đồng cho D mượn, sau đó D đã chiếm đoạt chiếc điện thoại này đem cầm thế lấy số tiền 2.500.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 01 Điều 139 Bộ luật Hình sự. Do đó cáo trạng truy tố các bị cáo theo khung hình phạt và điều luật như đã viện dẫn trong cáo trạng là có căn cứ pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: bị cáo ý thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ thế nhưng chỉ vì cần tiền để tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã dùng thủ đoạn và lời nói gian dối làm cho người bị hại tưởng là thật đã giao tài sản cho bị cáo và bị cáo chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội nên cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Xét về nhân thân bị cáo đang chấp hành án hình phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 33/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố A nên cần áp dụng Điều 50 và Điều 51 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 01 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ và với mức án mà Kiểm sát viên đề nghị là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

- Về xử lý vật chứng vụ án:

Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố A đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 106 ngày 04/4/2017 đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là chị Võ Thị Ái V đúng với quy định tại khoản 01 Điều 42 Bộ luật hình sự.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu UMY của Võ Ngọc D không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo D.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự nên hội đồng xét xử không xét.

Đối với lời khai của Võ Ngọc D về việc Hồ Văn H là người cùng D thống nhất và cùng chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus của chị Võ Thị Ái V đem cầm thế, tuy nhiên H không thừa nhận hành vi của mình, qua đối chất H vẫn giữ lời khai

của mình, H cho rằng không bàn bạc và không chiếm đoạt điện thoại của chị V như D khai. Ngoài lời khai của D không có chứng cứ nào khác. Hiện nay, H không có mặt tại địa phương. Vì vậy, Cơ quan CSĐT- Công an thành phố A đang tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với Hồ Chí Đ có nhận cầm thế chiếc điện thoại Iphone 6s Plus từ Võ Ngọc D nhưng Đ không biết đây là tài sản có nguồn gốc phạm pháp nên không xem xét xử lý là đúng theo quy định pháp luật.

- Về án phí : bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* **Tuyên bố:** bị cáo Võ Ngọc D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

* **Áp dụng:** khoản 01 Điều 139; điểm p khoản 01 Điều 46, Điều 45, điểm a khoản 01 Điều 50, khoản 01 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

* **Xử phạt:** Võ Ngọc D 15 tháng tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Cộng với 12 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 33/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố A. Hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2016.

* **Biện pháp tư pháp:**

+ Áp dụng khoản 01 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự; Tuyên:

Trả lại cho Võ Ngọc D 01 điện thoại hiệu UMY màu đen hồng, model: U112. Số Imel: 815000080354769

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 106 ngày 08/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố A.)

* **Về án phí :** bị cáo Võ Ngọc D phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo của bị cáo là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án(11/9/2017). Quyền kháng cáo của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tp A
- VKSND tỉnh B
- TAND tỉnh B
- Công an tp A
- Người tham gia tố tụng

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Vũ Thị Thu Hà

- UBND địa phương nơi b/c thường trú
- Thi hành án thành phố A
- Lưu hồ sơ